

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường: Ấp 13, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 13, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1958 (có mặt)

Bà Đinh Thị T, sinh năm 1959 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 13, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa Chị Nguyễn Thị S trình bày:* Vào tháng 12 năm 2013 được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên chị với anh T tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc và đã có một đứa con, nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh T không quan tâm vợ con, thường xuyên cá gắt với chị và không có sự chia sẻ, thông cảm cho nhau. Mặc dù, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải để cho anh T có cơ hội sửa đổi tính tình, nhưng anh T không sửa đổi mà ngày càng khó khăn đối với chị. Từ những nguyên nhân trên chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Văn T. Về con chung có một người con tên Nguyễn Trâm A, sinh ngày 04/11/2014, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị đang gửi tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 350.000.000 đồng do anh T đứng tên sổ tiết kiệm, nguồn tiền vợ chồng chị có được để gửi ngân hàng là do khi đám cưới vợ chồng chị được gia đình hai bên cho và mẹ ruột chị cho mượn đất nuôi tôm, cùng với tiền lương của anh T cộng dồn tích lũy có được. Trên thực tế anh T gửi sổ tiết kiệm tổng cộng là 430.000.000 đồng, trong đó có 80.000.000 đồng là tiền bán cây mai của mẹ chồng nên chị chỉ yêu cầu chia đôi số tiền 350.000.000 đồng. Đối với số tiền 55.000.000 đồng cổ đất của ông Nguyễn Văn R thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng số vàng 34 chỉ vàng 24k thì chị với anh T đã tự phân chia nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Anh Nguyễn Văn T trình bày:* Về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, có 01 người con chung, không có nợ chung đúng như chị S trình bày. Anh xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến nỗi phải ly hôn, nhưng nếu chị S kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung anh yêu cầu được nuôi người con chung tên Nguyễn Trâm A, sinh ngày 04/11/2014 và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao người con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh có gửi tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh số tiền 430.000.000 đồng, nhưng tiền này không phải của vợ chồng anh mà do trước đây anh có mượn của cha mẹ ruột anh là ông Nguyễn Thanh T và bà Đinh Thị T số tiền 200.000.000 đồng để cải tạo ruộng nuôi

tôm, khi anh trả tiền cho cha, mẹ anh thì cha, mẹ anh bán cây keo lai được 150.000.000 đồng nên cha, mẹ anh đưa cho anh đứng tên gửi Ngân hàng vì vợ chồng anh sống chung với cha mẹ anh. Sau này, cha mẹ anh bán cây mai nên đưa tiền cho anh gửi thêm 80.000.000 đồng, tổng cộng 430.000.000 đồng. Nay vợ anh yêu cầu chia đôi số tiền gửi 350.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì đây là tiền của cha mẹ anh. Đối với tiền cổ đất của ông Rem 55.000.000 đồng do cha anh đứng tên trong hợp đồng cổ đất, không phải vợ chồng anh. Nhưng chị S rút yêu cầu chia số tiền cổ đất nên anh đồng ý. Đối với 34 chỉ vàng 24k thì vợ chồng anh đã tự phân chia với nhau xong nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T trình bày:* Năm 2012 bà khai thác trầm bán được số tiền hơn 200.000.000 đồng, bà lấy tiền lo đám cưới cho Soạng-Thum, khi đám xong thì bà đưa cho Thum 200.000.000 đồng để gửi tiết kiệm tại Ngân hàng. Sau đó, khai thác keo lai cộng với tiền tích lũy ở nhà là 150.000.000 đồng, bán cây mai được 80.000.000 đồng thì bà tiếp tục đưa cho Thum gửi Ngân hàng. Tổng cộng bà đưa cho Thum gửi tại Ngân hàng số tiền 430.000.000 đồng. Do bà lớn tuổi và Thum là con trai ở chung nhà với bà nên bà tiết kiệm được bao nhiêu thì nhờ Thum gửi dùm. Nay chị S yêu cầu chia đôi tài sản chung số tiền 350.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì số tiền trên là của bà. Khi vợ chồng S-T ly hôn, bà không yêu cầu S-T trả lại vợ chồng bà số tiền 430.000.000 đồng, bà đồng ý để Thum tiếp tục đứng tên trong sổ tiết kiệm tại Ngân hàng. Đối với số tiền 55.000.000 đồng thuê đất là tiền của bà đưa cho ông T, không phải tiền của vợ chồng S-T.

** Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T trình bày:* Ông thống nhất theo lời trình bày của bà T, không bổ sung gì thêm.

** Tại công văn số 59/NHNoUM-KHKD ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện U Minh, tỉnh Cà Mau trình bày:* Agribank chi nhánh huyện U Minh là đơn vị có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Soạng với bị đơn Nguyễn Văn Thum cùng địa chỉ: ấp 13, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;

Theo quan điểm của Agribank - Chi nhánh huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đối với việc tranh chấp ly hôn của bà S và ông T không ảnh hưởng đến nợ vay tại Agribank - Chi nhánh huyện U Minh. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân huyện U Minh chấp thuận cho Agribank - Chi nhánh huyện U Minh từ chối tham gia tố tụng với tư cách là đơn vị có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên và tiếp tục giải quyết vụ án trên và tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau trình bày quan điểm: Từ khi thụ lý đến ngày đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa Thẩm phán được

phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án Đại viện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị S với anh T.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Trâm A cho chị S tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T về việc cấp dưỡng nuôi người con chung tên Nguyễn Trâm A mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi người con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị S về việc chia tài sản chung số tiền 350.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng. Đối với 34 chỉ vàng 24k và số tiền cổ đất do chị S không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu chia tài sản chung là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Ngân hàng có yêu cầu từ chối tham gia xét xử, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng Ngân hàng.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị S và anh T xác định do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 01 năm nay, nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh T và anh T đồng ý ly hôn với chị S. Xét thấy sự thỏa thuận của chị S và anh T là phù hợp quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị S và anh T.

Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị S với anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Trâm A, chị S với anh T cùng yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, từ khi chị S với anh T sống ly thân đến nay thì người con chung do chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chị S có đủ điều kiện để trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặt khác, cháu Nguyễn Trâm A là con gái nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo về mặt tâm sinh lý. Do đó, để đảm bảo cho người con chung phát triển về mọi mặt và tránh gây xáo trộn về tình cảm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Trâm A, sinh ngày 04/11/2014. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi người con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng và chị S đồng ý với mức cấp dưỡng của anh T. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị S với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh T với chị S về việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi người con chung Nguyễn Trâm A mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi người con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị S yêu cầu chia tài sản chung số tiền 350.000.000 đồng. Xét thấy số tiền 350.000.000 đồng do anh T đứng tên gửi tại Ngân hàng và xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa chị S với anh T nên đây là tài sản chung của chị S với anh T. Cho dù, ông T, bà T trình bày nguồn tiền trên là do ông, bà nhờ anh T đứng tên gửi dùm, nhưng ông T, bà T không chứng minh được nguồn tiền là của riêng ông T, bà T và cũng không chứng minh được việc ông T, bà T nhờ anh T đứng tên. Mặt khác, anh T với ông T, bà T trình bày về nguồn gốc, thời điểm gửi tiền 03 lần (lần thứ nhất 200.000.000 đồng, lần thứ hai 150.000.000 đồng, lần thứ ba 80.000.000 đồng) là không đúng thực tế theo Công văn số 1126/NHNôCM-KTNQ ngày 22/7/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Cà Mau vì anh T đã gửi tiền tại Ngân hàng từ năm 2011 đến nay, tổng cộng là 13 lần với tổng số tiền 435.893.300 đồng, sự việc trên phù hợp với lời trình bày của chị S. Đồng thời, đến khi chị S, anh T xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly hôn thì ông T, bà T mới trình bày đây là tài sản riêng là không có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nhưng hiện nay anh T đang đứng tên sổ tiết kiệm tiền gửi tại Ngân hàng nên buộc anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị S 50% số tiền là 175.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị S với anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền có đất 55.000.000 đồng và 34 chỉ vàng 24k, chị S rút lại yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung số tiền 55.000.000 đồng và 34 chỉ vàng 24k.

Đối với Ngân hàng và ông Rেম không phát sinh quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm chị S phải chịu 300.000 đồng; Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng anh T phải nộp 300.000 đồng và án phí có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung, chị S, anh T mỗi người phải nộp 8.750.000 đồng ($175.000.000đ \times 5\% = 8.750.000$ đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 244; khoản 1 Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 33, 38, 51, 53, 55, 57, 58, 82, 83, 107, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a, b khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

** Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị S với Anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Trâm A, sinh ngày 04/11/2014 cho Chị Nguyễn Thị S tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi người con chung tên Nguyễn Trâm A, sinh ngày 04/11/2014 mỗi tháng 1.500.000 đồng, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung tròn 18 tuổi.

4. Chấp nhận yêu cầu chị S về việc chia tài sản chung đối với số tiền 350.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T và Chị Nguyễn Thị S mỗi người được chia số tiền 175.000.000 đồng.

Buộc Anh Nguyễn Văn T giao lại cho Chị Nguyễn Thị S số tiền 175.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của Chị Nguyễn Thị S về việc chia số tiền cổ đất 55.000.000 đồng và 34 chỉ vàng 24k.

6. Về án phí:

Án phí Chị Nguyễn Thị S phải nộp tổng cộng là 9.050.000 đồng, ngày 14 tháng 02 năm 2019 chị S đã dự nộp 12.882.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004191 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu án phí. Chị S được nhận lại số tiền 3.832.000 đồng.

Án phí Anh Nguyễn Văn T phải chịu tổng cộng là 9.050.000 đồng.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện việc kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Hận